

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 10 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị D và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Viên Thị Mai Lan**

2. Bà **Đào Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Anh Thị Thanh Tâm** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Đài Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 09 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Sùng Thị D** - Sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: H'Mông; Địa chỉ: Thôn ĐL, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Cứ Chúa H** (tên gọi khác: Cứ Chúa P); Sinh năm: 1980; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: H'Mông; Địa chỉ: Thôn ĐL, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Sùng Thị D trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là anh Cứ Chúa H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới hỏi, vợ chồng chung sống tại thôn ĐL, xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Kể từ khi chị sinh con gái đầu lòng, anh H thường xuyên đi uống rượu rồi về chửi bới, đánh đập chị. Mỗi lần anh H đánh chị, hàng

xóm và anh em trong gia đình đều không ai dám can ngăn. Mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần đưa ra chính quyền cơ sở giải quyết nhưng không thành. Vợ chồng sinh được 04 con gái. Đến năm 2013, chị sinh con thứ năm là cháu trai nhưng không may cháu được hơn một tuổi thì bị mất do bệnh tật. Kể từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Đến cuối năm 2014, chị phải cùng các con bỏ về sống ở nhà mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có bốn con chung là các cháu Cù Thị K (sinh ngày 25-6-2004), Cù Thị H1 (sinh ngày 28-7-2006), Cù Thị X (sinh ngày 12-9-2009), Cù Thị C (sinh ngày 19-12-2010). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả bốn con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01 - 10 - 2018, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải (cùng ngày 09 - 10 - 2018) và tại phiên tòa, bị đơn Cù Chứa H trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị Sùng Thị D về việc vợ chồng anh tự nguyện chung sống, cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn vào năm 2000; về quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn và thời điểm sống ly thân. Nay chị D xin ly hôn, anh nhất trí vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh có bốn con chung là các cháu Cù Thị K (sinh ngày 25-6-2004), Cù Thị H1 (sinh ngày 28-7-2006), Cù Thị X (sinh ngày 12-9-2009), Cù Thị C (sinh ngày 19-12-2010). Khi ly hôn anh nhất trí việc giao cả 04 con cho D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Anh và chị D tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho đương sự đầy đủ; quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn, quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, quyền và nghĩa vụ của đương sự, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã có mặt đầy đủ, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Sùng Thị D và anh Cứ Chúa H là vợ chồng. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 15; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao các cháu Cứ Thị K, Cứ Thị H1, Cứ Thị X, Cứ Thị C cho chị Sùng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Chị D và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị Sùng Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Sùng Thị D về việc xin ly hôn với anh Cứ Chúa H được Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành hòa giải về phần nuôi con chung, án phí; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị D và anh Cứ Chúa H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H thường xuyên đi uống rượu rồi về đánh đập vợ con. Vợ chồng sống ly thân nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị D đã làm đơn đề nghị xin ly hôn với anh H, anh H nhất trí ly hôn với chị D. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình để áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn

nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Cứ Chúa H.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị D, anh H có bốn con chung là các cháu Cứ Thị K (sinh ngày 25-6-2004), Cứ Thị H1 (sinh ngày 28-7-2006), Cứ Thị X (sinh ngày 12-9-2009), Cứ Thị C (sinh ngày 19-12-2010). Trên cơ sở ý kiến của chị D, anh H, nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Cứ Thị K, Cứ Thị H1, Cứ Thị X, Cứ Thị C cho chị Sùng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ và quyền của anh H được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ và quyền của chị D được thực hiện theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị D và anh H tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung và không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Sùng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Cứ Chúa H.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao con chung là các cháu Cự Thị K (sinh ngày 25-6-2004), Cự Thị H1 (sinh ngày 28-7-2006), Cự Thị X (sinh ngày 12-9-2009), Cự Thị C (sinh ngày 19-12-2010) cho chị Sùng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

2.2. Anh Cự Chúa H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có các nghĩa vụ, quyền theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Sùng Thị D có các nghĩa vụ, quyền theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình

3. *Về án phí*: Chị Sùng Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05008 ngày 25 tháng 9 năm 2018. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. *Về điều kiện thi hành án*: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm